

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **152/2021/DS-ST**

Ngày 27 tháng 5 năm 2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay  
tài sản, hợp đồng góp hui”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Ngọc Ánh.
2. Ông Châu Văn Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Nguyễn Ái Quyên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2020/TLST- DS, ngày 15/4/2021 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hui”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Phan Văn T**, sinh năm 1991;  
Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh T.
2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim T1**, sinh năm 1985;  
Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh T.

(Có mặt anh T, chị T1)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 13/4/2021, và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Phan Văn T trình bày: Chị Nguyễn Thị Kim T1 tham gia 14 phần hui của 6 dây hui do anh làm đầu thảo:

- Dây thứ 1: Hui 5.000.000 đồng, khai ngày 15/01/2018 (âm lịch), mẫn vào ngày 20/9/2020 (âm lịch), hui gồm 34 phần, chị T1 tham gia 03 phần. Phần thứ 1: Chị T1 hót hui vào ngày 20/02/2018 (âm lịch) được 124.000.000 đồng, chị T1 đã đóng được 21 kỳ hui chết là 105.000.000 đồng, còn nợ lại 11 kỳ hui chết là 55.000.000 đồng. Phần thứ 2: Chị T1 hót hui vào ngày 20/5/2018 (âm lịch) được 111.000.000 đồng, chị T1 đóng được 18 kỳ hui chết là 90.000.000 đồng, còn nợ lại 11 kỳ hui chết là 55.000.000 đồng. Phần thứ 3: Chị T1 hót hui vào ngày 20/10/2018 (âm lịch) được

160.000.000 đồng, chị T1 đóng được 13 kỳ hội chết là 65.000.000 đồng, còn nợ lại 11 kỳ hội chết là 55.000.000 đồng. Tổng cộng dây hội này chị T1 còn nợ anh là 165.000.000 đồng.

- Dây thứ 2: Hội 2.000.000 đồng, khai ngày 20/3/2018 (âm lịch), mãn vào ngày 20/01/2021 (âm lịch), hội gồm 36 phần, chị T1 tham gia 02 phần. Phần thứ 1: Chị T1 hốt hội vào ngày 20/4/2018 (âm lịch), chị T1 đã đóng được 19 kỳ hội chết là 38.000.000 đồng, còn nợ lại 15 kỳ hội chết là 30.000.000 đồng. Phần thứ 2: Chị T1 hốt hội vào ngày 20/7/2018 (âm lịch), chị T1 đóng được 16 kỳ hội chết là 32.000.000 đồng, còn nợ lại 15 kỳ hội chết là 30.000.000 đồng. Tổng cộng dây hội này chị T1 còn nợ anh là 60.000.000 đồng.

- Dây thứ ba: Hội 5.000.000 đồng, khai ngày 30/7/2018 (âm lịch), mãn vào ngày 30/8/2021 (âm lịch), hội gồm 39 phần, chị T1 tham gia 03 phần. Phần thứ 1: Chị T1 hốt hội vào ngày 30/12/2018 (âm lịch), chị T1 đã đóng được 10 kỳ hội chết là 50.000.000 đồng, ngưng đóng vào ngày 30/11/2019, còn nợ lại 23 kỳ hội chết là 115.000.000 đồng. Phần thứ 2: Chị T1 hốt hội vào ngày 30/3/2019 (âm lịch), chị T1 đóng được 07 kỳ hội chết là 35.000.000 đồng, còn nợ lại 23 kỳ hội chết là 115.000.000 đồng. Phần thứ 3: Chị T1 hốt vào ngày 30/8/2018 (âm lịch), chị T1 đóng được 14 kỳ hội chết là 70.000.000 đồng, còn nợ lại 23 kỳ là 115.000.000 đồng. Tổng cộng dây hội này chị T1 còn nợ anh là 345.000.000 đồng.

- Dây thứ tư: Hội 2.000.000 đồng, khai ngày 25/3/2019 (âm lịch), mãn vào ngày 25/3/2022 (âm lịch), hội gồm 39 phần, chị T1 tham gia 01 phần. Chị T1 hốt hội vào ngày 25/8/2019 (âm lịch), chị T1 đã đóng được 3 kỳ hội chết là 6.000.000 đồng, ngưng đóng từ 25/11/2019, còn nợ lại 30 kỳ chưa đóng là 60.000.000 đồng.

- Dây thứ năm: Hội 3.000.000 đồng, khai ngày 25/3/2019 (âm lịch), mãn vào ngày 20/3/2022 (âm lịch), hội gồm 38 phần, chị T1 tham gia 02 phần. Phần thứ 1: Chị T1 hốt hội vào ngày 25/6/2019 (âm lịch), chị T1 đã đóng được 05 kỳ hội chết là 15.000.000 đồng, còn nợ lại 29 kỳ hội chết là 87.000.000 đồng. Phần thứ 2: Chị T1 hốt vào ngày 25/4/2019 (âm lịch), chị T1 đóng được 07 kỳ hội chết là 24.000.000 đồng, còn nợ lại 29 kỳ hội chết là 87.000.000 đồng. Tổng cộng dây hội này chị T1 còn nợ anh là 174.000.000 đồng.

- Dây thứ sáu: Hội 3.000.000 đồng, khai ngày 20/7/2019 (âm lịch), mãn vào ngày 20/12/2021 (âm lịch), hội gồm 34 phần, chị T1 tham gia 02 phần. Phần thứ 1: Chị T1 hốt hội vào ngày 20/8/2019 (âm lịch), chị T1 đã đóng được 03 kỳ hội chết là 9.000.000 đồng, còn nợ lại 26 kỳ hội chết là 78.000.000 đồng. Phần thứ 2: Chị T1 hốt hội vào ngày 20/10/2019 (âm lịch), chị T1 đóng được 01 kỳ hội chết là 3.000.000 đồng, còn nợ lại 26 kỳ là 78.000.000 đồng. Tổng cộng dây hội này chị T1 còn nợ anh là 156.000.000 đồng.

Chị T1 ngưng đóng hội chết từ tháng 11 năm 2019. Tổng cộng 14 phần hội của 06 dây hội này, chị T1 còn nợ anh số tiền hội là 960.000.000 đồng.

Ngày 02/9/2019, chị T1 vay của anh số tiền là 20.000.000 đồng, có biên nhận, có thỏa thuận miệng lãi suất là 3%/tháng và thời hạn là 01 tháng trả. Chị T1 chưa trả tiền lãi và vốn nào.

Ngày 30/5/2020, chị T1 đã trả cho anh số tiền hụi là 150.000.000 đồng.

Nay chị T1 còn nợ anh tổng cộng là 830.000.000 đồng (gồm 810.000.000 đồng tiền hụi và 20.000.000 đồng tiền vay), anh yêu cầu chị T1 trả số tiền này, không yêu cầu tính lãi.

\* Bị đơn là chị Nguyễn Thị Kim T1 trình bày: Chị đồng ý với lời trình bày của anh T về các dây hụi chị đã tham gia, số tiền hụi đã đóng và số tiền hụi còn nợ. Ngày 30/5/2020, chị T1 đã trả cho anh T số tiền hụi là 150.000.000 đồng. Hiện chị còn nợ lại anh T số tiền hụi là 810.000.000 đồng.

Ngày 02/9/2019, chị có vay của anh T số tiền là 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, chị đóng lãi được 01 lần rồi ngưng nhưng khi đóng lãi chị không có làm biên nhận. Hiện còn nợ lại anh T số tiền vay là 20.000.000 đồng.

Nay chị còn nợ anh T số tiền 830.000.000 đồng (gồm 810.000.000 đồng tiền hụi và 20.000.000 đồng tiền vay), không trả tiền lãi. Nhưng chị xin được trả dần, mỗi tháng có bao nhiêu chị sẽ trả bấy nhiêu.

\* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn là anh Phan Văn T vẫn giữ yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim T1 trả số tiền 830.000.000 đồng (gồm 810.000.000 đồng tiền hụi và 20.000.000 đồng tiền vay), không yêu cầu tính lãi.

- Chị T1 đồng ý trả cho anh T số tiền 830.000.000 đồng (gồm 810.000.000 đồng tiền hụi và 20.000.000 đồng tiền vay), không trả tiền lãi. Nhưng chị xin được trả dần, mỗi tháng có bao nhiêu chị sẽ trả bấy nhiêu do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên chị không có khả năng trả và có dây hụi chưa mãn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn là anh Phan Văn T khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim T1 trả số tiền vay và số tiền hụi còn nợ nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi được quy định tại các Điều 463, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] *Về yêu cầu của nguyên đơn*: Xét thấy, chị T1 trình bày chị có đóng 01 tháng tiền lãi cho anh T nhưng anh T không thừa nhận. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì chị T1 phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, chứng minh số tiền lãi đã thanh toán tiền cho anh T. Tuy nhiên, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, chị T1 không cung cấp chứng cứ đã thanh toán tiền lãi cho anh T. Do đó, lời khai của chị T1 là có trả 01 tháng tiền lãi cho anh T là không có căn cứ.

Chị T1 đã ngưng đóng hụi chết từ tháng 11 năm 2019 nên chị T1 đã chậm thực hiện nghĩa vụ theo Điều 282 Bộ luật Dân sự năm 2015 và vi phạm nghĩa vụ của thành viên khi tham gia hụi theo Điều 16, Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019.

Hai bên thống nhất là có thỏa thuận lãi nhưng chị T1 không đóng tiền lãi vì phạm nghĩa vụ của bên vay theo Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và đã chậm thực hiện nghĩa vụ theo Điều 282 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa anh Phan Văn T và chị Nguyễn Thị Kim T1 thống nhất chị Nguyễn Thị Kim T1 còn nợ anh Phan Văn T 810.000.000 đồng tiền hụi và 20.000.000 đồng tiền vay, tổng cộng là 830.000.000 đồng. Chị T1 đồng ý trả cho anh T số tiền này nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] *Về yêu cầu xin trả dần*: Chị Nguyễn Thị Kim T1 yêu cầu được trả dần cho anh T mỗi tháng có bao nhiêu chị sẽ trả bấy nhiêu cho đến khi hết 830.000.000 đồng. Xét thấy, chị T1 nợ số tiền hụi này của anh T đã lâu, gây thiệt thòi quyền lợi của anh T. Hơn nữa, yêu cầu trả dần nay không được nguyên đơn đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc chị T1 yêu cầu trả dần.

[4] *Về án phí*: Chị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 282, 463, 466, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 16, Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**Xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn T.

Buộc chị Nguyễn Thị Kim T1 có trách nhiệm trả cho anh Phan Văn T số tiền vốn vay là 20.000.000 đồng và số tiền hụi còn nợ là 810.000.000 đồng, tổng cộng là 830.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Kim T1 phải chịu 36.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch.

Trả lại cho anh Phan Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.450.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005035 ngày 13/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Anh T, chị T1 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND h. Chợ Gạo;
- Chi cục THADS h. Chợ Gạo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Huyền Ni**